

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ XÂY DỰNG

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2014/TT-BXD

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2014

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong
hoạt động đầu tư xây dựng**

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 ngày 28 tháng 3 năm 2012 về chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng;

Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng,

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định về điều kiện năng lực, công bố thông tin các cá nhân, tổ chức giám định tư pháp, áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên môn về giám định tư pháp, hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện giám định tư pháp và chi phí giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng.

2. Đối tượng áp dụng:

Thông tư này áp dụng đối với các cá nhân, tổ chức có liên quan đến giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng* (sau đây gọi tắt là giám định tư pháp xây dựng) là việc cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ để đánh giá, kết luận về chuyên môn đối với những vấn đề được trưng cầu, yêu cầu giám định trong hoạt động đầu tư xây dựng theo trưng cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hoặc theo yêu cầu của người yêu cầu giám định (sau đây viết tắt là bên yêu cầu giám định) theo quy định của pháp luật.

2. *Cá nhân giám định tư pháp xây dựng* bao gồm: giám định viên tư pháp xây dựng, người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc.

3. *Tổ chức giám định tư pháp xây dựng* bao gồm: tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc và văn phòng giám định tư pháp xây dựng.

4. *Chi phí giám định tư pháp xây dựng* là số tiền cần thiết, hợp lý phải chi trả cho công việc giám định tư pháp do cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng thực hiện được tính căn cứ theo quy định của Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Các nội dung giám định tư pháp xây dựng

1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng bao gồm các giai đoạn: từ lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng công trình và khai thác sử dụng, bảo trì công trình.

2. Giám định tư pháp về chất lượng xây dựng bao gồm: giám định chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình, bộ phận công trình, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng.

3. Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan bao gồm: giám định về tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình, giá trị còn lại của công trình và các vấn đề khác có liên quan.

Điều 4. Áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên môn trong hoạt động giám định tư pháp xây dựng

Quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên môn áp dụng trong hoạt động giám định tư pháp xây dựng là các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn được áp dụng trong hoạt động đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật.

Chương II**ĐIỀU KIỆN NĂNG LỰC VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CÁ NHÂN,
TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG****Điều 5. Điều kiện năng lực của giám định viên tư pháp xây dựng, người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc**

Giám định viên tư pháp xây dựng, người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam đáp ứng quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều 7 Luật Giám định tư pháp và đáp ứng điều kiện sau:

1. Đối với giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng:

a) Có kinh nghiệm thực tế từ đủ 05 năm trở lên thực hiện một trong các công việc: quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc quản lý nhà nước về xây dựng phù hợp với nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng;

b) Có chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án hoặc chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hoặc chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ, chứng chỉ hành nghề: đấu thầu, kiểm định, kỹ sư định giá theo quy định của pháp luật về xây dựng phù hợp với nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng.

2. Đối với giám định tư pháp về chất lượng xây dựng:

a) Trường hợp giám định chất lượng khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng công trình:

- Có kinh nghiệm thực tế từ đủ 05 năm trở lên thực hiện một trong các công việc: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, kiểm định xây dựng phù hợp với nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng;

- Có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng theo quy định.

b) Trường hợp giám định chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình:

- Có kinh nghiệm thực tế từ đủ 05 năm trở lên thực hiện một trong các công việc: thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành

xây dựng, kiểm định xây dựng phù hợp với nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng;

- Được đào tạo nghiệp vụ kiểm định xây dựng theo quy định.

c) Trường hợp giám định chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng:

- Có kinh nghiệm thực tế từ đủ 05 năm trở lên thực hiện một trong các công việc: thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng phù hợp với nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng;

- Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng theo quy định;

- Được đào tạo nghiệp vụ kiểm định xây dựng theo quy định.

3. Đối với giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan:

a) Có kinh nghiệm thực tế từ đủ 05 năm trở lên thực hiện một trong các công việc: quản lý dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình phù hợp với nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng;

b) Có chứng chỉ hành nghề kỹ sư định giá theo quy định.

Điều 6. Điều kiện năng lực của tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc

Tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc là tổ chức kiểm định xây dựng có năng lực phù hợp với đối tượng và nội dung được trưng cầu, yêu cầu giám định. Các tổ chức tư vấn xây dựng khác khi thực hiện giám định tư pháp xây dựng phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Đối với giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng:

a) Có năng lực thực hiện một trong các công việc: quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây dựng phù hợp với nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng;

b) Cán bộ chủ trì thực hiện giám định đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

2. Đối với giám định tư pháp về chất lượng xây dựng:

a) Trường hợp giám định chất lượng khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng công trình:

- Có năng lực thực hiện một trong các công việc: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định phù hợp với nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng;

- Cá nhân chủ trì thực hiện giám định đáp ứng quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

b) Trường hợp giám định chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình:

- Có năng lực thực hiện một trong các công việc: thiết kế xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, giám sát thi công xây dựng theo quy định phù hợp với nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng;

- Cá nhân chủ trì thực hiện giám định đáp ứng quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

c) Trường hợp giám định chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng:

- Có năng lực thực hiện một trong các công việc: thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng theo quy định phù hợp với nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng;

- Cá nhân chủ trì thực hiện giám định đáp ứng quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

3. Đối với giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan:

a) Có năng lực thực hiện một trong các công việc: thiết kế xây dựng, kiểm định xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định phù hợp với nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng;

b) Cá nhân chủ trì thực hiện giám định đáp ứng quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

Điều 7. Điều kiện năng lực của văn phòng giám định tư pháp xây dựng

1. Được thành lập và được cấp giấy đăng ký hoạt động theo quy định của Luật Giám định tư pháp và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Có trang thiết bị đảm bảo thực hiện giám định theo các nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng.

3. Đáp ứng các yêu cầu về năng lực của tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc phù hợp với nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng.

Điều 8. Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng

1. Giám định viên tư pháp xây dựng được bổ nhiệm theo quy định tại Điều 9 Luật Giám định tư pháp.